

Bản án số: 44/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 31 - 3 - 2026

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Dũng và bà Dương Thị Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXX - ST ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Cao Văn S**, sinh năm 1990. Số CCCD: 040090030968; Địa chỉ: **Xóm P, xã L, tỉnh Nghệ An**. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị **Phan Thị H**, sinh năm 1993. Số CCCD: 040193037487; Địa chỉ: **Xóm P, xã L, tỉnh Nghệ An**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - nguyên đơn anh **Cao Văn S** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Cao Văn S** và chị **Phan Thị H** lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn lại tại **Ủy ban nhân dân xã H, huyện H (N là xã H), tỉnh Nghệ An** vào ngày 17 tháng 01 năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau bình thường nhưng có thường xuyên mâu thuẫn, nhưng đến cuối năm 2025 thì mâu thuẫn trầm trọng nhất; vợ chồng thường xuyên cãi vã nguyên nhân do không có sự tin tưởng nhau nữa, bất đồng quan điểm sống, không cùng tiếng nói chung. Mặc dù hai vợ chồng đã ngồi lại nói chuyện với nhau, gia đình hai bên đã hoà giải cho hai vợ chồng nhưng vẫn không thể đoàn tụ được. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng đã rơi vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh **Cao Văn S** yêu cầu được ly hôn với chị **Phan Thị H**.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là **Cao Tường V**, sinh ngày 26/10/2017; **Cao Tuấn K**, sinh ngày 04/10/2018; **Cao Nhật M**, sinh ngày 17/9/2023. Khi ly hôn, anh **S** có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung là cháu **Cao Tường V**, cháu **Cao Tuấn K**. Chị **H** trực tiếp nuôi cháu **Cao Nhật M**. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng. Lý do anh **S** yêu cầu được nuôi 2 cháu vì: Các cháu từ nhỏ đã ở cùng với anh **S** và ông bà nội tại nơi ở hiện tại là nhà của bố mẹ đẻ của anh **S** (xã L, tỉnh Nghệ An); các

cháu hiện đang học tại trường Tiểu học P; gia đình anh có điều kiện hỗ trợ anh trong việc chăm sóc các cháu. Về thu nhập thì anh có việc làm ổn định, thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng.

Về quyền tài sản chung, nợ chung: Anh Cao Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: anh chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn là chị Phan Thị H trình bày: Chị Phan Thị H đồng ý với ý kiến trình bày của anh Cao Văn S về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không có sự tin tưởng nhau nữa, bất đồng quan điểm sống, không cùng tiếng nói chung. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng đã rơi vào bế tắc. Nay anh S làm đơn yêu cầu ly hôn, chị H đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Cao Tường V, sinh ngày 26/10/2017; Cao Tuấn K, sinh ngày 04/10/2018; Cao Nhật M, sinh ngày 17/9/2023; Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp dưỡng chăm sóc con chung Cao Tường Vy, Cao Nhật M. Và chị H yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng/ mỗi cháu 1.000.000 đồng; giao anh Cao Văn S trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung Cao Tuấn K. Lý do chị H yêu cầu được nuôi 2 cháu vì: Cháu Cao Nhật M thì đang dưới 3 tuổi. Còn cháu V thì muốn ở với chị H, cháu lại đang ở độ tuổi dậy thì cần sự chăm sóc của mẹ. Sau khi ly hôn thì chị H về ở cùng bố mẹ đẻ của chị ở xóm H, xã H, tỉnh Nghệ An; và mẹ chị sẽ hỗ trợ chị trong việc chăm sóc các cháu. Về công việc của chị là chị bán hàng tại Công ty D, thu nhập hàng tháng khoảng 12.000.000 đồng/tháng. Cả chị và anh S do điều kiện công việc nên đều phải có sự hỗ trợ từ ông bà nội, ngoại trong việc chăm sóc các cháu. Chị có thời gian chăm con trực tiếp nhiều hơn anh S, vì anh S làm công việc bận rộn. Tại phiên tòa, chị H đề nghị anh S cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Tường V, mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về quyền tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị H nhất trí như ý kiến của anh S.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký; Hội đồng xét xử đã thực hiện hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Cao Văn S với chị Phan Thị H.

Về con chung: Anh S và Chị H, có 03 con chung là Cao Tường V, sinh ngày 26/10/2017; Cao Tuấn K, sinh ngày 04/10/2018; Cao Nhật M, sinh ngày 17/9/2023 đang ở cùng với anh S và chị H. Giao 01 con chung Cao Tuấn K cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao 02 con chung Cao Tường V, Cao Nhật M cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Buộc anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con (cháu Tường V) cho chị H số tiền 1.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do nguyên đơn không yêu cầu.
Về án phí: theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn – anh **Cao Văn S** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với bị đơn – chị **Phan Thị H**. Bị đơn có cư trú tại **xóm P, xã L, tỉnh Nghệ An**. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

[2] Xét nội dung vụ án và các ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Cao Văn S** và chị **Phan Thị H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **H, huyện H (N là xã H), tỉnh Nghệ An** vào ngày 17 tháng 01 năm 2017 và được Ủy ban nhân dân xã **H** cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06/2017. Căn cứ vào Điều 9, Điều 10 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh **Cao Văn S** và chị **Phan Thị H** là hợp pháp.

Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng anh **S**, chị **H** đã có nhiều mâu thuẫn. Đến năm 2025, thì mâu thuẫn giữa vợ chồng bắt đầu trầm trọng. Nguyên nhân xuất phát do cả hai không hòa hợp trong suy nghĩ, cách sống, không có tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân nên thường xuyên tranh cãi, mâu thuẫn. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng cùng nhau giải quyết, gia đình hai bên cũng nhiều lần khuyên giải nhưng mâu thuẫn vẫn trầm trọng; anh **S** và chị **H** đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Cao Văn S** và chị **Phan Thị H**.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh **S** và chị **H** có 03 con chung là **Cao Tường V**, sinh ngày 26/10/2017; **Cao Tuấn K**, sinh ngày 04/10/2018 và **Cao Nhật M**, sinh ngày 17/9/2023.

Xét: các con chung đều hiện ở cùng gia đình anh **S**, chị **H** và ông bà nội. Anh **S**, chị **H** đều có công việc và thu nhập ổn định, tuy nhiên cả hai đều chưa có nơi ở riêng. Xét về điều kiện nuôi con của anh **S**, chị **H** là ngang nhau. Tuy nhiên, cháu **Tường V** có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị **H**, cháu cũng đang độ tuổi dậy thì cần có sự chăm sóc và gần gũi từ mẹ hơn. Do vậy, cần giao cháu **Tường V** cho chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu **Tuấn K** và cháu **Nhật M** thì anh **S**, chị **H** đã thống nhất giao cháu **Tuấn K** cho anh **S** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu **Nhật M** (do cháu dưới 3 tuổi) cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng – xét thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với điều kiện và độ tuổi của các con nên Tòa án chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **H** yêu cầu anh **S** cấp dưỡng nuôi cháu **Tường V** mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét mức thu nhập và chi phí sinh hoạt hiện tại thì yêu cầu này của chị **H** là hợp lý nên Tòa án chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh **Cao Văn S**, chị **Phan Thị H** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: anh **Cao Văn S** phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 55, 58, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi năm 2025;
- Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Cao Văn S** và chị **Phan Thị H**.

2. Về con chung:

Giao con chung **Cao Tuấn K**, sinh ngày 04/10/2018 cho anh **Cao Văn S** được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao con chung **Cao Tường V**, sinh ngày 26/10/2017 và **Cao Nhật M**, sinh ngày 17/9/2023 cho chị **Phan Thị H** được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh **Cao Văn S** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu **Cao Tường V** mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 3/2026 cho đến khi cháu **Tường V** đủ 18 tuổi. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh **Cao Văn S**, chị **Phan Thị H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh **Cao Văn S** phải chịu 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh **S** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001026 ngày 09/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 2-Nghệ An. Anh **S** còn phải nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Anh **Cao Văn S**, chị **Cao Thị H1** có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2-Nghệ An;
- UBND xã Hưng Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 2;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa